Linh nhân Hoàng thái hậu Lê Thị Ỷ Lan (1044-1117) và bài kệ ngộ đạo

ISSN: 2734-9195 09:05 13/05/2026

Qua bài kệ, có thể thấy Linh Nhân Hoàng Thái hậu Ỷ Lan nhìn sự vật bằng trí tuệ Bát nhã, nên thấy rõ mọi sự vật đều là giả tướng, do duyên hợp mà tạo thành nên không có thật thể.

Các bộ sử như *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết hiện chưa rõ tên thật chỉ biết bà họ Lê người ở hương Thổ Lỗi, sau đổi thành Siêu Loại, phủ Thiên Đức, lộ Bắc Giang Hạ (thuộc khoảng khu vực giáp ranh giữa hai huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội và huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên). **Ỷ Lan** là tên do vua Lý Thánh Tông đặt cho bà. Còn trong sách *Lý triều đệ tam Hoàng thái hậu cổ lục thần tích quốc ngữ diễn ca văn* của Trương Thị Trong thời chúa Trịnh thì bà có tên là Lê Khiết Nương hay Lê Yến.

Sở dĩ vua đặt tên là Ỷ Lan là bởi theo giai thoại kể rằng vua Lý Thánh Tông tuổi đã bốn mươi nhưng chưa có con trai kế nghiệp nên thường đến các đền chùa để cầu tự. Một lần vua đến chùa Dâu ở Bắc Ninh, có đi ngang qua hương Thổ Lỗi, nghe tiếng hát trong trẻo, nhà vua vén rèm nhìn ra thấy người con gái đang đứng tựa vào gốc lan mà hát, nên gọi vào cung. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép việc này: "*Tục truyền rằng vua cúng khấn cầu tự chưa thấy hiệu nghiệm, mới đi chơi khắp chùa quán. Xa giá đi đến đâu, con trai con gái đổ xô đến xem không ngớt, duy có một người con gái hái dâu cứ đứng tựa trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu, phong làm Ỷ Lan phu nhân*"[1].



(Ảnh: Internet)

Mùa Xuân năm 1066, bà hạ sinh hoàng tử Càn Đức thì ngay hôm sau nhà vua phong Hoàng thái tử, còn bà được phong làm Thần phi. Tiếp theo, năm 1068, sau khi bà sinh Minh Nhân vương (có tài liệu ghi là Sùng Hiền hầu), bà được phong là Nguyên phi, đứng đầu các phi tần trong cung, chỉ dưới quyền bà Hoàng hậu Thượng Dương.

Năm 1069, nhà vua cùng **Thái úy Lý Thường Kiệt** thân chinh đi phạt Chiêm Thành, vua giao quyền nhiếp chính, điều hành công việc triều đình cho Nguyên phi, giúp sức có Thái sư Lý Đạo Thành. Ra trận, đội quân nhà Lý đánh mãi không được nên cho lui binh rút về. Khi đoàn quân về đến châu Cư Liên (thuộc huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên) thì nghe tin Nguyên phi làm rất tốt việc nội trị, lòng dân cảm hóa, hòa hợp. Bởi lúc này đang bị lũ lụt, bà kiểm tra tình hình, kiểm tra các kho lương, xử phạt nghiêm minh những quan coi kho để chuột cắn phá thóc và lệnh cho mở kho phát chẩn, cứu tế nhân dân, nên được nhân dân ngợi ca tôn vinh bà là Quan Âm nữ. Vì thế, nhà vua mới nói "*Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, trẫm là nam nhi lại chẳng làm được việc gì hay sao*". Nhà vua cho quân quay lại Chiêm Thành, lần này đánh thắng, bắt sống được vua Chiêm là Chế Củ cùng mấy vạn tù binh, trong đó có vương phi Mỵ Ê. Vì đức hiếu sinh, nhà vua đã tha tội chết cho Chế Củ, nên Chế Củ đã dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính (nay thuộc tỉnh Quảng Bình và một phần tỉnh Quảng Trị) để chuộc tội. Từ chiến công năm 1069 này, địa giới nước ta lần đầu tiên được mở rộng về phía Nam.

Năm 1072, Hoàng đế Lý Thánh Tông lâm bệnh nặng rồi băng hà, Hoàng thái tử Càn Đức nối ngôi, tức vua Lý Nhân Tông, vì chỉ mới 6 tuổi nên triều đình tôn

đích mẫu là Hoàng thái hậu Thượng Dương cùng dự việc triều chính, có sự giúp sức của Thái sư Lý Đạo Thành, còn Nguyên phi thì được tôn làm Hoàng thái phi, nhưng không được can dự việc triều chính. Nhờ là mẹ đẻ lại có sự giúp sức của Thái úy Lý Thường Kiệt, bà đã khiến vua Nhân Tông phế truất Hoàng thái hậu Thượng Dương, bắt giam Thái hậu cùng 72 cung nữ ở lãnh cung. Khi phát tang chôn cất Thánh Tông Hoàng đế, Thái hậu cùng các cung nhân bị buộc phải chôn theo.

Sau khi phế truất Thái hậu Thượng Dương, Ỷ Lan được triều đình tôn làm Hoàng Thái hậu, cầm quyền nhiếp chính, với sự giúp sức của Thái úy Lý Thường Kiệt. Như vậy, Ỷ Lan đã có hai lần cầm quyền nhiếp chính. Do **Thái sư Lý Đạo Thành** trước đây là người giúp sức cho Thượng Dương Thái hậu nên cho biếm ông đi trấn thủ Nghệ An. Nhưng không lâu sau, để tạo khối đoàn kết trong nội bộ triều đình, đã cho gọi Lý Đạo Thành về ban ban chức Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự để cùng với Thái úy phụ chính Lý Thường Kiệt điều hành đất nước. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép việc này như sau: "*Quý Sửu (1073) giam Hoàng thái hậu họ Dương,... (bởi) Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với vua rằng: "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác hưởng, thế thì sẽ để mẹ già vào đâu? ". Vua bèn sai đem giam Dương Thái hậu và 72 người thị nữ vào cung Thượng Dương, rồi bức phải chết chôn theo lăng Thánh Tông... (còn) Thái sư Lý Đạo Thành lấy chức Tả gián nghị đại phu ra coi châu Nghệ An, không lâu sau gọi về triều ban chức Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự*"[2] cùng lo việc nước.

Trong thời gian bà nhiếp chính, quân dân **Đại Việt** dưới sự lãnh đạo của Thái úy Lý Thường Kiệt đã chiến thắng giặc Tống xâm lược trên trận tuyến sông Cầu, sông Như Nguyệt năm 1077.

Năm 1075, khi nhận được tin báo quân Tống chuẩn bị sang xâm lược nước ta, Lý Thường Kiệt chủ trương "tiên phát chế nhân" (xuất phát trước để chế ngự người) nên đem binh sang tận Trung Quốc đánh vào ba châu bốn động ở tỉnh Quảng Tây, đốt phá kho lương thảo và vũ khí của nhà Tống ở Ung Châu rồi kéo quân về nước, án ngữ ở phòng tuyến sông Cầu để chờ giặc đến.

Năm 1976, Quách Quỳ cùng Triệu Tiết đem đại binh sang xâm lược, dù chúng rất mạnh nhưng không thể phá vỡ phòng tuyến của quân ta. Lý Thường Kiệt đã cử Lý Kế Nguyên đánh bại thủy quân của nhà Tống sang phối hợp với bộ binh của Quách Quỳ. Quân Tống thiếu lương thực, lại không hợp phong thổ, bị dịch bệnh. Đầu năm 1077, thủy quân của ta tràn lên đánh vào quân Tống, trận chiến ác liệt, cả hai bên đều tiêu hao nặng. Sau đó, lợi dụng quân của Quách Quỳ, Triệu Tiết mệt mỏi và không đề phòng, Lý Thường Kiệt cho quân vượt sông Như

Nguyệt, đánh một trận khủng khiếp trong đêm. Nhiều vạn quân viễn chinh của nhà Tống bị tiêu diệt. Quân Tống từ mười vạn chỉ còn lại hơn ba vạn, nên khi nhận được thư giảng hòa của Thái úy Lý Thường Kiệt, Quách Quỳ mừng rỡ, lập tức hạ lệnh rút quân nhanh chóng.

Năm 1103, Thái hậu đã cho phát tiền ở kho nội phủ để chuộc con gái do nhà nghèo bị bán ở đợ, đem họ mà gả cho những người đàn ông góa vợ. Năm 1117 bà đã đề xuất lệnh cấm trộm trâu và giết trâu bừa bãi. Bà còn khuyến khích nhân dân trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt vải. Đây là những chính sách thấu đạt nhân tâm, hợp lòng dân, vì thế mà nhân dân mới tôn vinh bà là **Quan Âm nữ**.



Ảnh: Facebook - chỉ mang tính minh họa

Năm 1117, Thái hậu lâm bệnh rồi mất, thọ 73 tuổi. Triều đình tôn thụy hiệu là Linh Nhân Phù Thánh Hoàng thái hậu, làm lễ hỏa táng. Tháng Tám năm này, cử hành lễ chôn cất ở Thọ lăng, thuộc phủ Thiên Đức (thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh), chôn theo ba người hầu gái.

Vốn là người sùng tín đạo Phật, nên khi làm Hoàng Thái hậu, bà thường chuyên tâm tu tập, **nghiên cứu** giáo lý, hành thiện, xây chùa. Sử sách cho biết, tính đến năm 1115, bà đã cho xây cất 150 chùa, trong đó có chùa Đại Dương Sùng Phúc Tự ở quê hương Thổ Lỗi, thuộc xã Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội.

Do công lao và đức hạnh của Thái hậu nên nhân dân đã lập đền thờ bà ở nhiều nơi: (1) Đền Đức Lý Thái hậu nằm trong Khu di tích Đình - Đền - Chùa Phú Thị đã được xếp hạng cấp quốc gia, thuộc thôn Phú Thụy (xưa là làng Thổ Lỗi, tên nôm là làng Sủi), xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội. (2) Chùa Bà Tấm thuộc xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. (3) Đền Ghềnh còn gọi là Đền Ỷ Lan thuộc thôn Ngọc Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Trong thời gian tu tập và nghiên cứu đạo Phật, có lần bà tham vấn về nguồn gốc du nhập và truyền thừa Phật giáo ở nước ta với Quốc sư Thông Biện[3], được Quốc sư giải đáp tỏ tường mà sách *Thiền uyển tập anh* có chép. Từ đây, bà thường tham vấn Quốc sư để học đạo.

Về tác phẩm, bên cạnh bài kệ ngộ đạo mà bà đã trình Quốc sư, thì bà còn có lời tâu nổi tiếng, khi vua **Lý Thánh Tông** hỏi về kế sách trị nước: "*Muốn nước giàu dân mạnh, điều quan trọng là phải biết nghe lời can gián của đấng trung thần. Lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm. Thuốc đắng khó uống nhưng chữa được bệnh... Phải xem quyền hành là một thứ đáng sợ. Quyền lực và danh vọng thường làm thay đổi con người. Tự mình tu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh. Dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật. Muốn nước mạnh, hoàng đế phải nhân từ với muôn dân. Phàm xoay cái thế thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Hội đủ những điều ấy, nước Đại Việt sẽ vô địch*"[4].

Trong quá trình theo học đạo Thiền với Quốc sư Thông Biện (? - 1134), Thái hậu đã trình lên Quốc sư một bài kệ trình bày chỗ tỏ ngộ của mình, mà sách *Thiền uyển tập anh* có chép tại tiểu truyện Quốc sư Thông Biện và *Thơ văn Lý - Trần* tập 1 đã xếp bà là một trong những tác giả văn học thời đại này:

色是空空即色,

空是色色即空.
色空俱不管,

方得契真宗.

Sắc thị không không tức sắc,

Không thị sắc sắc tức không.

Sắc không quân bất quản.

Phương đắc khế chân không.

(Sắc là không không tức sắc,

Không là sắc sắc tức không.

Sắc không đều chẳng quản.

Mới được hợp chân tông).

Bài kệ này hàm chứa lý đạo rất uyên nguyên. Cái lý sắc không là cái lý trong kinh văn hệ **Bát nhã**. Hành giả nếu chưa nhận thức thấu đáo về sự vật hiện tượng, nên thấy sắc và không là hai hình thức cố định, chúng luôn đối đãi nhau. Sắc là thật sắc, không là thật không. Nhưng khi nói "Sắc thị không không tức sắc, Không thị sắc sắc tức không", nghĩa là sắc là không, không tức sắc; Không là sắc, sắc tức không, hai cái luôn không rời nhau, đối đãi nhau. Những sự vật hiện tượng mà mắt thường của chúng ta nhìn thấy, chúng ta cho đó là có, nhưng xét đến cùng, những cái đó không tồn tại vĩnh hằng. Còn duyên thì chúng tụ hợp, hết duyên thì chúng tan rã, trở về khởi nguyên ban đầu, theo quy luật thành trụ hoại diệt, sinh lão bệnh tử. Thân xác của chúng ta cũng tuân theo quy luật này. Đó là quy luật vô thường của vạn pháp. Đó cũng là cái lý chân thật của Tính Không. Ngay nơi sắc mà biết nó không thật thể, ngay nơi không mà biết duyên hợp nên không thành sắc, sắc không chẳng rời nhau. Đó là chỗ sâu xa của lý Bát nhã. Thâm nhập được lý này thì: "Sắc không câu bất quản, Phương đắc khế chân tông". Sắc không đều chẳng quản, mới được hợp chân tông. Nghĩa là không kẹt vào hai bên sắc và không thì mới khế hợp với chủ thể chân thật, nhận chân được chân lý, tức giác ngộ được Đạo.

Qua bài kệ, có thể thấy Linh Nhân Hoàng Thái hậu Ỷ Lan nhìn sự vật bằng **trí tuệ Bát nhã**, nên thấy rõ mọi sự vật đều là giả tướng, do duyên hợp mà tạo thành nên không có thật thể. Duyên hợp thành tướng gọi là sắc, tướng đó không có thật thể nên gọi là không, cho nên nói sắc tức là không, không tức là sắc. Tuy mắt chúng ta thấy có sắc và không, nhưng chúng không xa rời nhau. Do đó hành giả tu tập đừng dính mắc hoặc bị kẹt vào sắc và không thì mới có thể thấu suốt cái lý cứu cánh chân thật, bản lai diện mục, chân không diệu hữu, thấy tất cả hiện tượng đều *"thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm"*[5] (các sự vật hiện tượng đều không có tướng, chẳng sinh ra cũng chẳng mất đi, chẳng dơ bẩn cũng chẳng trong sạch, chẳng tăng cũng chẳng giảm) của cái lý sắc không trong kinh văn Bát nhã. Chỉ cần qua bài kệ này, có thể nói Thái hậu Ỷ Lan đã chứng ngộ được tư tưởng Tính

Không của kinh văn hệ Bát nhã và đã ngộ được Thiền lý.

Lời kết

Cùng với Ni sư Diệu Nhân, Hoàng Thái hậu Ỷ Lan là một trong hai nữ tác giả đầu tiên trong văn học Việt Nam. Cả hai đều sống dưới vương triều nhà Lý (1009-1225). Bài kệ ngộ đạo của Ỷ Lan thuộc bộ phận văn học Phật giáo đời Lý. Về nội dung tư tưởng, bài thi kệ đã thể hiện tư tưởng Tính Không của kinh văn hệ Bát nhã. Nhờ triệt ngộ tư tưởng Tính Không mà tác giả đã thấy rõ thực tướng của sự vật, hiện tượng qua cái tâm nhất như, bình đẳng, không phân biệt, không nhị nguyên đối đãi. Chúng tỏ Thái hậu Ỷ Lan là người đã chứng ngộ Thiền đạo.

Tác giả: **PGs Ts Nguyễn Công Lý -** *Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP..HCM*

Nguyên GVCC Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM

Tài liệu tham khảo:

1) Quốc sử quán triều Lê. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản dịch của Viện Sử học. Tập

2) Kỷ nhà Lý, mục: Thánh Tông hoàng đế. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 1967.

3) Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng. *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh Niên. Hà Nội. 2005.

4) *Bát nhã tâm kinh*.

5) Nguyễn Công Lý. *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*. Nxb ĐHQG TP.HCM. 2002, tái bản lần 5, 2016.

Chú thích:

[1] Quốc sử quán triều Lê. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản dịch của Viện Sử học. Tập 1. Kỷ nhà Lý, mục: Thánh Tông hoàng đế. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 1967.

[2] Quốc sử quán triều Lê. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản dịch của Viện Sử học. Tập 1. Kỷ nhà Lý, mục: Nhân Tông hoàng đế. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 1967.

[3] Quốc sư Thông Biện quê ở Đan Phượng, họ Ngô đời thứ 8 dòng Thiền Vô Thông Ngôn, không rõ năm sinh, tịch năm 1134.

[4] Dẫn lại: Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng. *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh Niên. Hà Nội. 2005.

[5] *Bát nhã tâm kinh*.